

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Bo De Ward.,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIP SUP
36/25
Có hiệu lực từ
Effective from
27 NOV 2025
Được xuất bản vào
Published on
30 OCT 2025

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG THỨC KHAI THÁC TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ NỘI BÀI KHI ĐƯA NHÀ GA T2 MỞ RỘNG VÀO SỬ DỤNG (VVNB)

1 GIỚI THIỆU

Tập bổ sung AIP này nhằm thông báo về việc điều chỉnh, bổ sung phương thức khai thác tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (VVNB) khi đưa nhà ga T2 mở rộng vào sử dụng.

Việc đưa nhà ga hành khách T2 mở rộng vào khai thác sẽ điều chỉnh một số nội dung sau:

1.1 Hủy bỏ 21 vị trí đỗ hiện hữu:

- Các vị trí đỗ khai thác thương mại: 8, 9, 10, 11A, 12C, 12D (Tham chiếu AIP Việt Nam, VVNB AD 2.20 mục 2.4.2, các từ trang AD 2-VVNB-1-27 đến 31; AD 2-VVNB-2-1; AD 2-VVNB-4-1, 2; AD 2-VVNB-5-1)
- Các vị trí đỗ chờ/qua đêm trên khu vực sân đỗ T2 mở rộng: 1B, 2A, 3A, 3B, 4A, 5A, 5B, 6A, 7A, 7B, 30A, 31A, 32A, 33A, 34B (Tham chiếu AIP Việt Nam, VVNB AD 2.20 mục 2.4.3, các trang từ AD 2-VVNB-1-59 đến 62; AD 2-VVNB-2-1; AD 2-VVNB-4-1, 2; AD 2-VVNB-5-1).

1.2 Điều chỉnh, bổ sung:

- Các vị trí đỗ mới (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 30, 31, 32, 33); mức cao và toạ độ INS vị trí đỗ tàu bay.
- Phương thức khai thác/vận hành các vị trí đỗ mới và hiện hữu.
- Phương thức vận hành tàu bay trên đường CHC, đường lăn.
- Sức chịu tải sân đỗ.
- Hệ thống dẫn đỗ tàu bay (VDGS).
- Tín hiệu sơn kẻ “RUNWAY AHEAD” trên các đường lăn P4, P5 (chi tiết xem tại trang 26).
- Bổ sung các biện pháp tăng cường giảm thiểu sự cố xâm nhập đường CHC.
- Đường lăn V2 (chi tiết xem tại trang 26).
 - Chiều rộng đường lăn V2: 38 m.
 - Hủy bỏ hạn chế khai thác.

2 CHI TIẾT

2.1 Điều chỉnh và bổ sung mức cao và toạ độ INS vị trí đỗ mới và vị trí hiện hữu

Tham chiếu AIP Việt Nam, các trang AD 2-VVNB-4-2; AD 2-VVNB-4-3.

ADJUSTMENT, ADDITION OF OPERATION PROCEDURE AT NOI BAI INTERNATIONAL AIRPORT FOLLOWING THE USING OF THE EXPANDED TERMINAL T2 (VVNB)

1 INTRODUCTION

This AIP Supplement aims to notify the Adjustment, addition of operation procedure at Noi Bai International Airport (VVNB) following the using of the expanded Terminal T2:

The operation of the extended passenger terminal T2 requires the following adjustment:

1.1 Decommission of 21 existing stands:

- Commercial aircraft stands: 8, 9, 10, 11A, 12C, 12D (Refer to Viet Nam AIP, VVNB AD 2.20 Item 2.4.2, pages from AD 2-VVNB-1-27 to 31; AD 2-VVNB-2-1; AD 2-VVNB-4-1, 2; AD 2-VVNB-5-1)
- Parking/overnight parking stands in the extended terminal T2 apron: 1B, 2A, 3A, 3B, 4A, 5A, 5B, 6A, 7A, 7B, 30A, 31A, 32A, 33A, 34B (Refer to Viet Nam AIP, VVNB AD 2.20 Item 2.4.2, pages from AD 2-VVNB-1-59 to 62; AD 2-VVNB-2-1; AD 2-VVNB-4-1, 2; AD 2-VVNB-5-1).

1.2 Adjustment, addition:

- New stands (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 30, 31, 32, 33); the INS coordinates and elevation for ACFT stands.
- Operational procedures for aircraft new stands and existing stands.
- The aircraft operational procedures on RWYs, TWYs.
- Apron strength.
- Visual Docking Guidance System (VDGS).
- “RUNWAY AHEAD” marking on TWYs P4, P5 (see page 26 for details).
- Additional safety enhancement measures to mitigate RWY incursions.
- TWY V2 (see page 26 for details).
 - Width of TWY V2: 38 m.
 - Cancellation of operational limitation.

2 DETAILS

2.1 Adjustment and addition of the INS coordinates and elevation for new and existing stands

Refer to Viet Nam AIP, pages AD 2-VVNB-4-2; AD 2-VVNB-4-3.

<i>Vị trí Position</i>	<i>Toạ độ Coordinates</i>	<i>Mức cao Elevation (M)</i>	<i>Ghi chú Remarks</i>
1A	211307.07N 1054707.12E	11.19	Vị trí đồ hiện hữu Existing stand
2	211308.95N 1054717.63E	12.05	Vị trí đồ mới New aircraft stand
3	211309.38N 1054716.13E	12.04	Vị trí đồ mới New aircraft stand
4	211309.82N 1054714.64E	12.04	Vị trí đồ mới New aircraft stand
5	211310.25N 1054713.15E	12.04	Vị trí đồ mới New aircraft stand
6	211310.72N 1054711.68E	12.05	Vị trí đồ mới New aircraft stand
7	211311.04N 1054710.88E	12.05	Vị trí đồ mới New aircraft stand
8	211312.52N 1054711.33E	12.04	Vị trí đồ mới New aircraft stand
11	211314.80N 1054711.29E	11.85	Vị trí đồ mới New aircraft stand
12A	211314.40N 1054712.66E	11.86	Vị trí đồ hiện hữu Existing stand
12B	211314.40N 1054714.16E	11.81	Vị trí đồ hiện hữu Existing stand
28B	211303.21N 1054753.19E	11.84	Vị trí đồ hiện hữu Existing stand
29	211302.31N 1054754.48E	11.63	Vị trí đồ hiện hữu Existing stand
30	211300.95N 1054751.90E	12.27	Vị trí đồ mới New aircraft stand
31	211259.22N 1054751.41E	12.15	Vị trí đồ mới New aircraft stand
32	211259.63N 1054749.95E	12.15	Vị trí đồ mới New aircraft stand
33	211300.06N 1054748.46E	12.15	Vị trí đồ mới New aircraft stand
34A	211255.60N 1054752.56E	11.59	Vị trí đồ hiện hữu Existing stand
45	211256.89N 1054814.15E	11.25	Vị trí đồ hiện hữu Existing stand
47A	211256.10N 1054822.74E	11.49	Vị trí đồ hiện hữu Existing stand
48A	211253.84N 1054822.00E	11.31	Vị trí đồ hiện hữu Existing stand

2.2 Phương thức khai thác/vận hành đối với các vị trí đỗ tàu bay

Ghi chú:

- Các nội dung bổ sung/điều chỉnh được in đậm.
- Vị trí đỗ 48, 49: Chi tiết xem tại các NOTAM còn hiệu lực liên quan.

Hạn chế khai thác sân đỗ 1, 2:

- Khu vực: Từ vị trí đỗ 1A đến 8; từ vị trí đỗ 30 đến 33; vệt lăn W1, W2 (đoạn từ vị trí đỗ 36B đến vị trí đỗ 33), W4, W7, W11, W12, W14: Khai thác đối với loại tàu bay Code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống.
- Đối với các vị trí đỗ: Từ 1A đến 8; từ 31 đến 33; từ 37 đến 42 và từ 71 đến 86:
 - Các hãng hàng không, các đơn vị phục vụ mặt đất tổ chức thực hiện cảnh giới khi tàu bay được đẩy ra/kéo vào hoặc tự lăn ra/vào vị trí đỗ.
 - Tàu bay tự hành trong các khu vực sân đỗ này sử dụng chế độ công suất động cơ tối thiểu.
- Phương thức này được áp dụng trong trường hợp điều kiện khai thác bình thường. Trong trường hợp có thi công sửa chữa đường CHC, đường lăn, sân đỗ sẽ áp dụng phương án vận hành tàu bay áp dụng trong thời gian thi công.
- Đối với hướng mũi tàu bay (Đông hoặc Tây) được hiểu là tàu bay sẽ dừng kéo đẩy tại vị trí quy định và mũi tàu bay trên trục đường CHC; hướng mũi tàu bay (Bắc) được hiểu là tàu bay sẽ dừng kéo đẩy tại vị trí quy định và mũi trên trục đường lăn/vệt lăn, trục tàu bay vuông góc với trục đường CHC.

2.2.1 Phương thức vận hành tàu bay đối với các vị trí đỗ tàu bay khai thác thương mại như sau:

- Bổ sung 11 vị trí đỗ mới gồm: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 30, 31, 32, 33
- Điều chỉnh 14 vị trí đỗ hiện hữu gồm: 11, 12, 12A, 12B, 14, 15, 16, 17, 28, 28A, 28B, 29, 35, 36A.

Ghi chú: Các vị trí đỗ khác không thay đổi nội dung (tham chiếu AIP Việt Nam, VVNB AD 2.20 mục 2.4.2, các trang từ AD 2-VVNB-1-31 đến 57).

2.2 Operational procedures for aircraft stands

Note:

- The adjusted/additional contents are bold.
- Stands 48, 49: Detailed in the related NOTAMs currently in force.

Operational limitations of APN 1, 2:

- Areas: Stands from 1A to 8; from 30 to 33; taxilane W1, W2 (a portion from stands 36B to 33); W4, W7, W11, W12, W14: Used for aircraft up to Code C (wingspan up to 36 m) and equivalent.
- For stands: From 1A to 8; from 31 to 33; from 37 to 42 and from 71 to 86:
 - Airlines, Ground handlers in charge of wing guard when aircraft is being push back/towing or self-taxiing in/out stands.
 - Aircraft self taxiing within the apron shall operate at minimum power.
- This procedures are applied in case of normal operating conditions. In case of construction or repair of RWY, TWY, APN will be applied aircraft operational procedures during the construction.
- For aircraft heading of (East or West), it is understood that aircraft shall stop being towed/pushed at specified position; the nose of the aircraft is on TWY centre line, aircraft longitudinal axis is parallel line with RWY centre line; the nose of the aircraft (North) is understood that aircraft shall stop being towed/pushed at specified position and the nose of the aircraft is on TWY centre line/taxilane centre line, aircraft longitudinal axis is perpendicular with RWY centre line.

2.2.1 Aircraft operational procedures for commercial stands are as follows:

- Commission of 11 new stands: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 30, 31, 32, 33.
- Adjustment of 14 existing stands: 11, 12, 12A, 12B, 14, 15, 16, 17, 28, 28A, 28B, 29, 35, 36A.

Note: Other stands contents remain unchanged (refer to Viet Nam AIP, VVNB AD 2.20 Item 2.4.2, pages from AD 2-VVNB-1-31 đến 57).

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand	Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures	Hạn chế khai thác Operational limitations
2, 3	Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M. a) Phương thức lăn: – Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vệt lăn W1 → vệt lăn W1A/W1B → vị trí đỗ. – Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: – Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W1A → vệt lăn W1B, mũi quay hướng Tây để khởi hành theo → W1A → W1 → đường lăn V. Used for aircraft A321 and equivalent, wingspan up to 36 M a) Taxiing procedures: – For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → taxilane W1 → taxilane W1A/W1B → stand. – For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: – Pushback approved to face West via W1A, W1B, taxi via W1A, W1, V	

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ</i> <i>Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	<i>Hạn chế khai thác</i> <i>Operational limitations</i>
4, 5	Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vệt lăn W1 → vệt lăn W1A/W1B → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W1A, mũi quay hướng Tây để khởi hành theo W1 → đường lăn V; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W1B, mũi quay hướng Tây để khởi hành theo W1A → W1 → đường lăn V. Used for aircraft A321 and equivalent, wingspan up to 36 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → taxilane W1 → taxilane W1A/W1B → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - Pushback approved to face West on W1A, taxi via W1, V; or - Pushback approved to face West on W1B, taxi via W1A, W1, V	
6	Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vệt lăn W1 → vệt lăn W1A → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W1A, mũi quay hướng Tây để khởi hành theo W1 → đường lăn V; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W1B, mũi quay hướng Tây để khởi hành theo W1A → W1 → đường lăn V. Used for aircraft A321 and equivalent, wingspan up to 36 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → taxilane W1 → taxilane W1A → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - Pushback approved to face West on W1A, taxi via W1, V; or - Pushback approved to face West on W1B, taxi via W1A, W1, V	
7, 8	Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vệt lăn W1 → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng. b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W1, mũi quay hướng Bắc để khởi hành theo W1 → đường lăn V; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W1 → W1A/W1B, mũi quay hướng Tây để khởi hành theo W1 → đường lăn V. Used for aircraft A321 and equivalent, wingspan up to 36 M. a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → taxilane W1 → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - Pushback approved to face North on W1, taxi via W1, V; or - Pushback approved to face West via W1, W1A/W1B, taxi via W1, V	

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ</i> <i>Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	<i>Hạn chế khai thác</i> <i>Operational limitations</i>
11	Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M. a) Phương thức lăn: – Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vị trí đỗ. – Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng. b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: – Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Tây; hoặc – Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Đông; hoặc – Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2 → đường lăn S, mũi quay hướng Tây; hoặc – Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2 → đường lăn S, mũi quay hướng Đông. Used for aircraft A321 and equivalent, wingspan up to 36 M. a) Taxiing procedures: – For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → stand. – For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: – Pushback approved to face West on V; or – Pushback approved to face East on V; or – Pushback approved to face West via V, V2, S; or – Pushback approved to face East via V, V2, S.	
12	Sử dụng cho tàu bay B747-400, B777-300, A340-600 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 65 M. a) Phương thức lăn: – Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vị trí đỗ. – Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: – Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Tây; hoặc – Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Đông; hoặc – Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2 → đường lăn S, mũi quay hướng Tây; hoặc – Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2 → đường lăn S, mũi quay hướng Đông. Used for aircraft B747-400, B777-300, A340-600 and equivalent, wingspan up to 65 M. a) Taxiing procedures: – For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → stand. – For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: – Pushback approved to face West on V; or – Pushback approved to face East on V; or – Pushback approved to face West via V, V2, S; or – Pushback approved to face East via V, V2, S.	– Không khai thác khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 12A hoặc 12B. – Đối với việc sử dụng vạch dừng “Do not use bridge”: Không khai thác tàu bay có chiều dài thân tàu từ 70.8 M trở lên và không khai thác cầu hành khách. – Do not operate when there is aircraft parking at stand 12A or 12B. – For using stop line “Do not use bridge”: Do not operate aircraft with fuselage length from 70.8 M and above and passenger boarding bridge shall not be used.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ</i> <i>Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	<i>Hạn chế khai thác</i> <i>Operational limitations</i>
12A, 12B	Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Đông; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2 → đường lăn S, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2 → đường lăn S, mũi quay hướng Đông. Used for aircraft A321 and equivalent, wingspan up to 36 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - Pushback approved to face West on V; or - Pushback approved to face East on V; or - Pushback approved to face West via V, V2, S; or - Pushback approved to face East via V, V2, S.	- Không khai thác khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 12. - Tàu bay tại vị trí 12B chỉ được nổ máy, khởi động động cơ sau khi được đẩy ra đường lăn V để khởi hành. - Do not operate when there is aircraft parking at stand 12. - Aircraft at stand 12B is only allowed to start up and engines after being pushed back to TWY V for departure.
14	Sử dụng cho tàu bay A380, AN-124 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 80 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Đông; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2/V3 → đường lăn S, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2/V3 → đường lăn S, mũi quay hướng Đông. Used for aircraft A380, AN-124 and equivalent, wingspan up to 80 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - Pushback approved to face West on V; or - Pushback approved to face East on V; or - Pushback approved to face West via V, V2/V3, S; or - Pushback approved to face East via V, V2/V3, S.	- Đối với việc sử dụng vạch dừng “Do not use bridge”: Không khai thác tàu bay có chiều dài thân tàu từ 70.8 M trở lên và không khai thác cầu hành khách. - For using stop line “Do not use bridge”: Do not operate aircraft with fuselage length from 70.8 M and above and passenger boarding bridge shall not be used.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ</i> <i>Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	<i>Hạn chế khai thác</i> <i>Operational limitations</i>
15, 16	Sử dụng cho tàu bay B747-400, B777-300, A340-600 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 65 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng. b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Đông; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2/V3 → đường lăn S, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2/V3 → đường lăn S, mũi quay hướng Đông. Used for aircraft B747-400, B777-300, A340-600 and equivalent, wingspan up to 65 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - Pushback approved to face West on V; or - Pushback approved to face East on V; or - Pushback approved to face West via V, V2/V3, S; or - Pushback approved to face East via V, V2/V3, S	
17	Sử dụng cho tàu bay B747-400, B777-300 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 65 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Đông; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2/V3 → đường lăn S, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V2/V3 → đường lăn S, mũi quay hướng Đông. Used for aircraft B747-400, B777-300 and equivalent, wingspan up to 65 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - Pushback approved to face West on V; or - Pushback approved to face East on V; or - Pushback approved to face West via V, V2/V3, S; or - Pushback approved to face East via V, V2/V3, S	- Không khai thác khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 17A hoặc 17B. - Do not operate when there is aircraft parking at stand 17A or 17B.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ</i> <i>Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	<i>Hạn chế khai thác</i> <i>Operational limitations</i>
28	Sử dụng cho tàu bay A380, B777-9 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 80 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Đông; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V4/V5 → đường lăn S, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V4/V5 → đường lăn S, mũi quay hướng Đông; hoặc - Đối với loại tàu bay Code F (sải cánh dưới 68.5 M) và tương đương trở xuống: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → vệt lăn W2, mũi quay hướng Bắc. Used for aircraft A380, B777-9 and equivalent, wingspan up to 80 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - Pushback approved to face West on V; or - Pushback approved to face East on V; or - Pushback approved to face West via V, V4/V5, S; or - Pushback approved to face East via V, V4/V5, S; or - For aircraft Code F and equivalent (wingspan up to but not including 68.5 M): Pushback approved to face North via V, W2	- Không khai thác khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 28A hoặc 28B. Đối với việc sử dụng vạch dừng “Do not use bridge”: Không khai thác tàu bay có chiều dài thân tàu từ 70.8 M trở lên và không khai thác cầu hành khách. - Do not operate when there is aircraft parking at stand 28A or 28B. For using stop line “Do not use bridge”: Do not operate aircraft with fuselage length from 70.8 M and above and passenger boarding bridge shall not be used.
28A, 28B, 29	Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Đông; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V4/V5 → đường lăn S, mũi quay hướng Tây; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → đường lăn V4/V5 → đường lăn S, mũi quay hướng Đông; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → vệt lăn W2, mũi quay hướng Bắc. Used for aircraft A321 and equivalent, wingspan up to 36 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - Pushback approved to face West on V; or - Pushback approved to face East on V; or - Pushback approved to face West via V, V4/V5, S; or - Pushback approved to face East via V, V4/V5, S; or - Pushback approved to face North via V, W2	- Vị trí đỗ 28A, 28B: Không khai thác khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 28. Tàu bay tại vị trí 28B chỉ được nổ máy, khởi động động cơ sau khi được đẩy ra đường lăn V/S hoặc vệt lăn W2 để khởi hành. - Stands 28A, 28B: Do not operate when there is aircraft parking at stand 28. Aircraft at stand 28B is only allowed to start up and engines after being pushed back to TWY V/S or taxilane W2 for departure.

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stand</i>	<i>Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ</i> <i>Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	<i>Hạn chế khai thác</i> <i>Operational limitations</i>
30	Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2, mũi quay hướng Bắc; hoặc - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → vệt lăn W2A, mũi quay hướng Đông; hoặc - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 35, 35B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → vị trí đỗ 35B; hoặc - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 36, 36B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → vị trí đỗ 36B Used for aircraft A321 and equivalent, wingspan up to 36 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → taxilane W2 → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - Pushback approved to face North on W2; or - Pushback approved to face East via W2, W2A; or - When there is no aircraft parking at stands 35, 35B: Pushback approved to stand 35B via W2; or - When there is no aircraft parking at stands 36, 36B: Pushback approved to stand 36B via W2	
31	Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vệt lăn W2 → vệt lăn W2A → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2A, mũi quay hướng Đông; hoặc - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 34A: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2A → vệt lăn W2 → vị trí đỗ 34A; hoặc - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 35, 35B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2A → vệt lăn W2 → vị trí đỗ 35B; hoặc - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 36, 36B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2A → vệt lăn W2 → vị trí đỗ 36B Used for aircraft A321 and equivalent, wingspan up to 36 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → taxilane W2 → taxilane W2A → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - Pushback approved to face East on W2A; or - When there is no aircraft parking at stand 34A: Pushback approved to stand 34A via W2A, W2; or - When there is no aircraft parking at stands 35, 35B: Pushback approved to stand 35B via W2A, W2; or - When there is no aircraft parking at stands 36, 36B: Pushback approved to stand 36B via W2A, W2	

Vị trí đỗ tàu bay <i>Aircraft stand</i>	Năng lực khai thác các vị trí đỗ tàu bay và phương thức kéo/đẩy tàu bay ra vào sân đỗ <i>Operational capability of aircraft stands and towing/pushing procedures</i>	Hạn chế khai thác <i>Operational limitations</i>
32, 33	Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vệt lăn W2 → vệt lăn W2A → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 34A: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2A → vệt lăn W2 → vị trí 34A; hoặc - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 35, 35B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2A → vệt lăn W2 → vị trí đỗ 35B; hoặc - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 36, 36B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2A → vệt lăn W2 → vị trí đỗ 36B Used for aircraft A321 and equivalent, wingspan up to 36 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → taxilane W2 → taxilane W2A → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: - When there is no aircraft parking at stand 34A: Pushback approved to stand 34A via W2A, W2; or - When there is no aircraft parking at stands 35, 35B: Pushback approved to stand 35B via W2A, W2; or - When there is no aircraft parking at stands 36, 36B: Pushback approved to stand 36B via W2A, W2	
35	Sử dụng cho tàu bay B747-8F, B777-300 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 68.5 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vệt lăn W3 → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Tàu bay khởi hành từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V. b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng. Used for aircraft B747-8F, B777-300 and equivalent, wingspan up to 68.5 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → taxilane W3 → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: Not applicable.	- Không khai thác khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 35A hoặc 35B. - Không khai thác loại tàu bay Code F (sải cánh từ 65 M đến dưới 68.5 M) và tương đương khi vị trí đỗ 36A khai thác loại tàu bay Code C (sải cánh từ 30.5 M đến dưới 36 M) và tương đương. - Do not operate when there is aircraft parking at stand 35A or 35B. - Do not operate aircraft Code F (wingspan from 65 M up to but less than 68.5 M) and equivalent when stand 36A operated aircraft Code C (wingspan from 30.5 M up to but less than 36 M) and equivalent.
36A	Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống, sải cánh đến dưới 36 M. a) Phương thức lăn: - Đối với tàu bay đến: Sau khi hạ cánh, tàu bay lăn theo đường lăn V → vệt lăn W3 → vị trí đỗ. - Đối với tàu bay khởi hành: Tàu bay khởi hành từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V. b) Phương án kéo/đẩy đối với tàu bay khởi hành: Không áp dụng. Used for aircraft A321 and equivalent, wingspan up to 36 M a) Taxiing procedures: - For arriving aircraft: After landing, aircraft taxi from TWY V → taxilane W3 → stand. - For departing aircraft: Not applicable. b) Towing/pushing procedures for departing aircraft: Not applicable.	- Không khai thác khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 36. - Không khai thác loại tàu bay Code C (sải cánh từ 30.5 M đến dưới 36 M) và tương đương khi vị trí đỗ 35 khai thác loại tàu bay Code F (sải cánh từ 65 M đến dưới 68.5 M) và tương đương. - Do not operate when there is aircraft parking at stand 36. - Do not operate aircraft Code C (wingspan from 30.5 M up to but less than 36 M) and equivalent when stand 36A operated aircraft Code F (wingspan from 65 M up to but less than 68.5 M) and equivalent.

2.2.2 Phương thức vận hành tàu bay đối với các vị trí đỗ chờ/qua đêm (không khai thác thương mại)

2.2.2.1 Sân đỗ 1

Tham chiếu AIP Việt Nam, VVNB AD 2.20 mục 2.4.2, các trang từ AD 2-VVNB-1-59 đến 62.

2.2.2 Aircraft operational procedures for parking/overnight parking stands (non-commercial purpose)

2.2.2.1 Apron 1

Refer to Viet Nam AIP, VVNB AD 2.20 Item 2.4.2, pages from AD 2-VVNB-1-59 đến 62.

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stands	Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ các vị trí đỗ thương mại đến các vị trí đỗ chờ/qua đêm và ngược lại Aircraft towing/pushing procedures from commercial stands to parking/overnight parking stands and vice versa	Hạn chế khai thác Operational limitation
1A	– Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống (tàu bay có sải cánh đến dưới 36 M). – Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ vị trí đỗ thương mại sang vị trí đỗ chờ/qua đêm và ngược lại: • Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 6: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W1A/W1B ↔ Vệt lăn W1 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. • Đối với vị trí đỗ từ 7 đến 8: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W1 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. • Đối với vị trí đỗ từ 11 đến 29, 35 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W1 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. • Đối với vị trí đỗ từ 30 đến 33: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W2 ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W1 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. • Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V8/V9 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W1 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. – Used for aircraft A321 and equivalent (wingspan up to 36 M) – Aircraft towing/pushing procedure from commercial stands to parking/ overnight parking stands and vice versa: • For stands from 2 to 6: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ Taxilane W1A/W1B ↔ Taxilane W1 ↔ parking/overnight parking stands. • For stands from 7 to 8: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ Taxilane W1 ↔ parking/overnight parking stands. • For stands from 11 to 29, 35 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ Taxilane W1 ↔ parking/overnight parking stands. • For stands from 30 to 33: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ Taxilane W2 ↔ TWY V ↔ Taxilane W1 ↔ parking/overnight parking stands. • For stands from 71 to 86: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V8/V9 ↔ TWY S ↔ TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ TWY V ↔ Taxilane W1 ↔ parking/overnight parking stands.	– Xe thang và thang tay không được hoạt động trong khu vực an toàn vị trí đỗ phía sau động cơ của tàu bay – Passenger stairs and hand-operated stairs are not allowed to operate within the safety area located behind the aircraft engine.

Vị trí đỗ tàu bay <i>Aircraft stands</i>	Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ các vị trí đỗ thương mại đến các vị trí đỗ chờ/đỗ qua đêm và ngược lại <i>Aircraft towing/pushing procedures from commercial stands to parking/overnight parking stands and vice versa</i>	Hạn chế khai thác <i>Operational limitation</i>
17A, 17B, 18A, 18B, 23A, 23B, 24A, 24B	- Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống (tàu bay có sải cánh đến dưới 36 M). - Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ vị trí đỗ thương mại sang vị trí đỗ chờ/qua đêm và ngược lại: Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 8: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W1 ↔ Đường lăn V ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. Đối với vị trí đỗ từ 11 đến 29, 35 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. Đối với vị trí đỗ từ 30 đến 33: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W2 ↔ Đường lăn V ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V8/V9 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ Đường lăn V ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Used for aircraft A321 and equivalent (wingspan up to 36 M) - Aircraft towing/pushing procedure from commercial stands to parking/ overnight parking stands and vice versa: For stands from 2 to 8: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxilane W1 ↔ TWY V ↔ parking/overnight parking stands. For stands from 11 to 29, 35 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ parking/overnight parking stands. For stands from 30 to 33: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxilane W2 ↔ TWY V ↔ parking/overnight parking stands. - For stands from 71 to 86: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V8/V9 ↔ TWY S ↔ TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ TWY V ↔ taxilane W1 ↔ taxilane W1A ↔ parking/overnight parking stands.	- Vị trí đỗ 17A, 17B: Khai thác khi không có tàu bay khai thác tại vị trí đỗ 17. - Vị trí đỗ 18A, 18B: Khai thác khi không có tàu bay khai thác tại vị trí đỗ 18. - Vị trí đỗ 23A, 23B: Khai thác khi không có tàu bay khai thác tại vị trí đỗ 23. - Vị trí đỗ 24A, 24B: Khai thác khi không có tàu bay khai thác tại vị trí đỗ 24. - Stands 17A, 17B: Operate when there is no aircraft parking at stand 17. - Stands 18A, 18B: Operate when there is no aircraft parking at stand 18. - Stands 23A, 23B: Operate when there is no aircraft parking at stand 23. - Stands 24A, 24B: Operate when there is no aircraft parking at stand 24.
34A	- Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống (tàu bay có sải cánh đến dưới 36 M) - Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ vị trí đỗ thương mại sang vị trí đỗ chờ/qua đêm và ngược lại: Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 8: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W1 ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W2 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. Đối với vị trí đỗ từ 11 đến 29, 35 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W2 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. Đối với vị trí đỗ từ 30 đến 33: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W2 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V8/V9 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn V5/V6/V7 ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W2 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Used for aircraft A321 and equivalent (wingspan up to 36 M). - Aircraft towing/pushing procedure from commercial stands to parking/ overnight parking stands and vice versa: For stands from 2 to 8: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxilane W1 ↔ TWY V ↔ taxilane W2 ↔ parking/overnight parking stands. For stands from 11 to 29, 35 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ taxilane W2 ↔ parking/overnight parking stands. For stands from 30 to 33: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxilane W2 ↔ parking/overnight parking stands. - For stands from 71 to 86: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V8/V9 ↔ TWY S ↔ TWY V5/V6/V7 ↔ TWY V ↔ taxilane W2 ↔ parking/overnight parking stands.	Xe thang và thang tay không được hoạt động trong khu vực an toàn vị trí đỗ phía sau động cơ của tàu bay Passenger stairs and hand-operated stairs are not allowed to operate within the safety area located behind the aircraft engine.

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stands	Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ các vị trí đỗ thương mại đến các vị trí đỗ chờ/đỗ qua đêm và ngược lại Aircraft towing/pushing procedures from commercial stands to parking/overnight parking stands and vice versa	Hạn chế khai thác Operational limitation
47A	- Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống (tàu bay có sải cánh đến dưới 36 M). - Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ vị trí đỗ thương mại sang vị trí đỗ chờ/qua đêm và ngược lại: Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 8: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W1 ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W5 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. Đối với vị trí đỗ từ 11 đến 29, 35 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W5 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. Đối với vị trí đỗ từ 30 đến 33: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W2 ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W5 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V8/V9 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn V6/V7 ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W5 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Used for aircraft A321 and equivalent (wingspan up to 36 M) - Aircraft towing/pushing procedure from commercial stands to parking/ overnight parking stands and vice versa: For stands from 2 to 8: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxilane W1 ↔ TWY V ↔ taxilane W5 ↔ parking/overnight parking stands. For stands from 11 to 29, 35 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ taxilane W5 ↔ parking/overnight parking stands. For stands from 30 to 33: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxilane W2 ↔ TWY V ↔ taxilane W5 ↔ parking/overnight parking stands. - For stands from 71 to 86: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V8/V9 ↔ TWY S ↔ TWY V6/V7 ↔ TWY V ↔ taxilane W5 ↔ parking/overnight parking stands.	- Khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 47A: - Không khai thác vệt lăn W5 đoạn từ vị trí đỗ 47 đến 49. - Đối với các vị trí 43, 43A, 44, 44A, 45, 46: Tàu bay không được kéo/đẩy ra vệt lăn W5 để khởi hành. - Đối với vị trí đỗ 47, 48, 49: Tàu bay không được lăn hoặc kéo đẩy ra/vào vị trí đỗ. - Đối với vị trí đỗ 50, 51, 52: Tàu bay không được lăn hoặc kéo đẩy ra/ vào vị trí đỗ theo vệt lăn W5. - When there is aircraft parking at stand 47A: - Taxilane W5 (a portion stands from 47 to 49) shall not be operate. - Stands 43, 43A, 44, 44A, 45, 46: Aircraft is not allowed tow/push back via taxilane W5 for departure. - Stands 47, 48, 49: Aircraft is not allowed to taxi or tow/push into/out of stand. - Stands 50, 51, 52: Aircraft is not allowed taxi or tow/push into/out of stand via taxilane W5.
48A	- Sử dụng cho tàu bay B747-400 và tương đương trở xuống (tàu bay có sải cánh đến dưới 65 M). - Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ vị trí đỗ thương mại sang vị trí đỗ chờ/qua đêm và ngược lại: Thực hiện khi vị trí 47A không có tàu bay đỗ: Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 8: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W1 ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W5 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. Đối với vị trí đỗ từ 11 đến 29, 35 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W5 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. Đối với vị trí đỗ từ 30 đến 33: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W2 ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W5 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86: Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V8/V9 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn V6/V7 ↔ Đường lăn V ↔ Vệt lăn W5 ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Used for aircraft B747-400 and equivalent (wingspan up to 65 M). - Aircraft towing/pushing procedure from commercial stands to parking/ overnight parking stands and vice versa: When there is no aircraft parking at stand 47A: For stands from 2 to 8: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxilane W1 ↔ TWY V ↔ taxilane W5 ↔ parking/overnight parking stands. For stands from 11 to 29, 35 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ taxilane W5 ↔ parking/overnight parking stands. For stands from 30 to 33: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxilane W2 ↔ TWY V ↔ taxilane W5 ↔ parking/overnight parking stands. - For stands from 71 to 86: Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V8/V9 ↔ TWY S ↔ TWY V6/V7 ↔ TWY V ↔ taxilane W5 ↔ parking/overnight parking stands.	- Khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 48A: - Không khai thác vệt lăn W5 đoạn từ vị trí đỗ 48 đến 49. - Đối với các vị trí 43, 43A, 44, 44A, 45, 46: Tàu bay không được kéo/đẩy ra vệt lăn W5 để khởi hành. - Đối với vị trí đỗ 47: Tàu bay không được đẩy lùi ra các vị trí đỗ 50, 51, 52 để khởi hành hoặc ra vệt lăn W5 theo hướng mũi tàu bay quay hướng Bắc. - Đối với vị trí đỗ 48, 49: Tàu bay không được lăn hoặc kéo đẩy ra/vào vị trí đỗ. - Đối với vị trí đỗ 50: Tàu bay không được kéo đẩy ra vệt lăn W5, mũi quay hướng Bắc. - Đối với vị trí đỗ 51, 52: Tàu bay không được lăn hoặc kéo đẩy ra/ vào vị trí đỗ theo vệt lăn W5; - When there is aircraft parking at stand 48A: - Taxilane W5 (a portion stands from 48 to 49) shall not be operate. - Stands 43, 43A, 44, 44A, 45, 46: Aircraft is not allowed tow/push back via taxilane W5 for departure. - Stand 47: Aircraft is not allowed tow/push back via stands 50, 51, 52 for departure or taxilane W5 via the nose of the aircraft (North). - Stands 48, 49: Aircraft is not allowed to taxi or tow/push into/out of stand. - Stands 50, 51, 52: Aircraft is not allowed to taxi or tow/push into/out of stand via taxilane W5.

Tham chiếu AIP Việt Nam, VVNB AD 2.20 mục 2.4.2, trang AD 2-VVNB-1-63.

Refer to Viet Nam AIP, VVNB AD 2.20 Item 2.4.2, page AD 2-VVNB-1-63.

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stands	Phương thức kéo/dẩy tàu bay từ vị trí đỗ thương mại sang vị trí đỗ chờ/quá đêm và ngược lại Aircraft towing/pushing procedures from commercial stands to parking/overnight parking stands and vice versa	Hạn chế khai thác Operational limitation
QS1, QS2, QS3, QS4	- Sử dụng cho tàu bay B747-400 và tương đương trở xuống (tàu bay có sải cánh đến dưới 65 M). - Phương thức kéo/dẩy tàu bay từ vị trí đỗ thương mại sang vị trí đỗ chờ/quá đêm và ngược lại: a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 8: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W1 ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S6 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P5/P6 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. (Áp dụng khi kéo/ đẩy tàu bay từ vị trí đỗ chờ/ qua đêm đến vị trí đỗ thương mại): Vị trí đỗ chờ/ qua đêm → Đường lăn N3/N4/N5 → Đường CHC 11L/29R → Đường lăn P4 → Đường CHC 11R/29L → Đường lăn S4/S5 → Đường lăn S → Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Vệt lăn W1 → Vị trí đỗ thương mại. b) Đối với vị trí đỗ từ 11 đến 29, 35 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S3/S6/S8/S9/S10 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P3/P8/P9 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S6 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P5/P6 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. (Áp dụng khi kéo/ đẩy tàu bay từ vị trí đỗ chờ/ qua đêm đến vị trí đỗ thương mại): Vị trí đỗ chờ/ qua đêm → Đường lăn N3/N4/N5 → Đường CHC 11L/29R → Đường lăn P4 → Đường CHC 11R/29L → Đường lăn S4/S5 → Đường lăn S → Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Vị trí đỗ thương mại. c) Đối với vị trí đỗ từ 30 đến 33: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W2 ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S3/S6/S8/S9/S10 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P3/P8/P9 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. (Áp dụng khi kéo/ đẩy tàu bay từ vị trí đỗ chờ/ qua đêm đến vị trí đỗ thương mại): Vị trí đỗ chờ/ qua đêm → Đường lăn N3/N4/N5 → Đường CHC 11L/29R → Đường lăn P4 → Đường CHC 11R/29L → Đường lăn S4/S5 → Đường lăn S → Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Vệt lăn W2 → Vị trí đỗ thương mại. d) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V8/V9 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S3/S6/S8/S9/S10 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P3/P8/P9 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V8/V9 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S6 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P5/P6 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm.	– Vị trí QS1: - Không khai thác hoặc kéo đẩy tàu bay vào vị trí đỗ QS1 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS1A. - Đối với loại tàu bay Code C (sải cánh dưới 36 M) và tương đương trở xuống: Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS1 theo lộ trình lăn qua đường lăn N2/N3/N4 khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ QS2, QS3. - Đối với loại tàu bay Code D, Code E (sải cánh từ 36 M đến dưới 65 M) và tương đương: - Chỉ sử dụng lộ trình theo đường lăn N4 vào vị trí đỗ. - Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS1 khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ QS2, QS2A, QS3, QS3A. – Vị trí QS2: - Không khai thác hoặc kéo đẩy tàu bay vào vị trí đỗ QS2 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS2A. - Đối với loại tàu bay Code C (sải cánh dưới 36 M) và tương đương trở xuống: Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS2 theo lộ trình lăn qua đường lăn N2/N3/N4 khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ QS3 và theo lộ trình lăn qua đường lăn N5 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS1. - Đối với loại tàu bay Code D, Code E (sải cánh từ 36 M đến dưới 65 M) và tương đương: - Chỉ sử dụng lộ trình theo đường lăn N4 vào vị trí đỗ. - Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS2 khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ QS3, QS3A. – Vị trí QS3: - Không khai thác hoặc kéo đẩy tàu bay vào vị trí đỗ QS3 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS3A. - Đối với loại tàu bay Code C (sải cánh dưới 36 M) và tương đương trở xuống: Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS3 theo lộ trình lăn qua đường lăn N5 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS1, QS2. - Đối với loại tàu bay Code D, Code E (sải cánh từ 36 M đến dưới 65 M) và tương đương: Chỉ sử dụng lộ trình theo đường lăn N4 vào vị trí đỗ. – Vị trí QS4: - Không khai thác hoặc kéo đẩy tàu bay vào vị trí đỗ QS4 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS4A. - Đối với loại tàu bay Code D, Code E (sải cánh từ 36 M đến dưới 65 M) và tương đương: Chỉ sử dụng lộ trình theo đường lăn N4 vào vị trí đỗ.

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stands	Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ vị trí đỗ thương mại sang vị trí đỗ chờ/qua đêm và ngược lại Aircraft towing/pushing procedures from commercial stands to parking/overnight parking stands and vice versa	Hạn chế khai thác Operational limitation
QS1, QS2, QS3, QS4	- Used for aircraft B747-400 and equivalent (wingspan up to 65 M): - Aircraft towing/pushing procedure from commercial stands to parking/overnight parking stands and vice versa: a) For stands from 2 to 8: - Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxiway W1 ↔ TWY V ↔ TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ TWY S ↔ TWY S6 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P5/P6 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands. - (When aircraft are towed/pushed from commercial stands): Parking/overnight parking stands → TWY N3/N4/N5 → RWY 11L/29R → TWY P4 → RWY 11R/29L → TWY S4/S5 → TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → taxiway W1 → commercial stands. b) For stands from 11 to 29, 35 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H: • Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ TWY S ↔ TWY S3/S6/S8/S9/S10 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P3/P8/P9 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands. • Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ TWY S ↔ TWY S6 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P5/P6 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands. • (When aircraft are towed/pushed from commercial stands): Parking/overnight parking stands → TWY N3/N4/N5 → RWY 11L/29R → TWY P4 → RWY 11R/29L → TWY S4/S5 → TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → commercial stands. c) For stands from 30 to 33: • Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxiway W2 ↔ TWY V ↔ TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ TWY S ↔ TWY S6 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P5/P6 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands. • (When aircraft are towed/pushed from commercial stands): Parking/overnight parking stands → TWY N3/N4/N5 → RWY 11L/29R → TWY P4 → RWY 11R/29L → TWY S4/S5 → TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → taxiway W2 → commercial stands. d) For stands from 71 to 86: • Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V8/V9 ↔ TWY S ↔ TWY S3/S6/S8/S9/S10 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P3/P8/P9 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands. • Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V8/V9 ↔ TWY S ↔ TWY S6 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P5/P6 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands.	- Stand QS1: • Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS1 when there is aircraft parking at stand QS1A. • For aircraft Code C (wingspan up to 36 M) and equivalent: Do not tow/push aircraft into/out of stand QS1 following the taxi route via TWY N2/N3/N4 when there is aircraft parking at stand QS2, QS3. • For aircraft Code D, Code E (wingspan from 36 M up to 65 M) and equivalent: + Only use taxi route via TWY N4 via stand. + Do not tow/push aircraft into/out of stand QS1 when there is aircraft parking at stand QS2, QS2A, QS3, QS3A. - Stand QS2: • Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS2 when there is aircraft parking at stand QS2A. • For aircraft Code C (wingspan up to 36 M) and equivalent: Do not tow/push aircraft into/out of stand QS2 following the taxi route via TWY N2/N3/N4 when there is aircraft parking at stand QS3 and following the taxi route via TWY N5 when there is aircraft parking at stand QS1. • For aircraft Code D, Code E (wingspan from 36 M up to 65 M) and equivalent: + Only use taxi route via TWY N4 via stand. + Do not tow/push aircraft into/out of stand QS2 when there is aircraft parking at stand QS3, QS3A. - Stand QS3: • Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS3 when there is aircraft parking at stand QS3A. • For aircraft Code C (wingspan up to 36 M) and equivalent: Do not tow/push aircraft into/out of stand QS3 following the taxi route via TWY N5 when there is aircraft parking at stand QS1, QS2. • For aircraft Code D, Code E (wingspan from 36 M up to 65 M) and equivalent: Only use taxi route via TWY N4 via stand. - Stand QS4: • Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS4 when there is aircraft parking at stand QS4A. • For aircraft Code D, Code E (wingspan from 36 M up to 65 M) and equivalent: Only use taxi route via TWY N4 via stand.

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stands	Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ vị trí đỗ thương mại sang vị trí đỗ chờ/qua đêm và ngược lại Aircraft towing/pushing procedures from commercial stands to parking/overnight parking stands and vice versa	Hạn chế khai thác Operational limitation
QS1A, QS2A, QS3A, QS4A, QS5, QS6, QS7, QS8, QS9, QS10, QS11	- Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống (tàu bay có sải cánh đến dưới 36 M). - Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ vị trí đỗ thương mại sang vị trí đỗ chờ/qua đêm và ngược lại: a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 8: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W1 ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S6 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P5/P6 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm (Áp dụng khi kéo/ đẩy tàu bay từ vị trí đỗ chờ/ qua đêm đến vị trí đỗ thương mại): Vị trí đỗ chờ/ qua đêm → Đường lăn N3/N4/N5 → Đường CHC 11L/29R → Đường lăn P4 → Đường CHC 11R/29L → Đường lăn S4/S5 → Đường lăn S → Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Vệt lăn W1 → Vị trí đỗ thương mại. b) Đối với vị trí đỗ từ 11 đến 29, 35 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S3/S6/S8/S9/S10 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P3/P8/P9 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S6 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P5/P6 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. (Áp dụng khi kéo/ đẩy tàu bay từ vị trí đỗ chờ/ qua đêm đến vị trí đỗ thương mại): Vị trí đỗ chờ/ qua đêm → Đường lăn N3/N4/N5 → Đường CHC 11L/29R → Đường lăn P4 → Đường CHC 11R/29L → Đường lăn S4/S5 → Đường lăn S → Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Vị trí đỗ thương mại. c) Đối với vị trí đỗ từ 30 đến 33: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Vệt lăn W2 ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S6 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P5/P6 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. (Áp dụng khi kéo/ đẩy tàu bay từ vị trí đỗ chờ/ qua đêm đến vị trí đỗ thương mại): Vị trí đỗ chờ/ qua đêm → Đường lăn N3/N4/N5 → Đường CHC 11L/29R → Đường lăn P4 → Đường CHC 11R/29L → Đường lăn S4/S5 → Đường lăn S → Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Vệt lăn W2 → Vị trí đỗ thương mại. d) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86: - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V8/V9 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S3/S6/S8/S9/S10 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P3/P8/P9 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm. - Tàu bay được kéo đẩy từ vị trí đỗ thương mại ↔ Đường lăn V ↔ Đường lăn V8/V9 ↔ Đường lăn S ↔ Đường lăn S6 ↔ Đường CHC 11R/29L ↔ Đường lăn P5/P6 ↔ Đường CHC 11L/29R ↔ Đường lăn N2/N3/N4/N5 ↔ Đường lăn N ↔ Vị trí đỗ chờ/ qua đêm.	- Vị trí QS1A: - Không khai thác hoặc kéo đẩy tàu bay vào vị trí đỗ QS1A khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS1. - Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS1A theo lộ trình lăn qua đường lăn N2/N3/N4 khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ QS2, QS3. - Vị trí QS2A: - Không khai thác hoặc kéo đẩy tàu bay vào vị trí đỗ QS2A khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS2. - Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS2A theo lộ trình lăn qua đường lăn N2/N3/N4 khi có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ QS3 và theo lộ trình qua đường lăn N5 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS1 - Vị trí QS3A: - Không khai thác hoặc kéo đẩy tàu bay vào vị trí đỗ QS3A khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS3. - Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS3A theo lộ trình lăn qua đường lăn N5 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS1, QS2 - Vị trí QS4A: - Không khai thác hoặc kéo đẩy tàu bay vào vị trí đỗ QS4A khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS4. - Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS4A theo lộ trình lăn qua đường lăn N5 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS1, QS2, QS3 - Vị trí QS8: Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS8 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS7 - Vị trí QS9: Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS9 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS7, QS8 - Vị trí QS10: Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS10 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS7, QS8, QS9 - Vị trí QS11: Không kéo đẩy tàu bay vào/ra vị trí đỗ QS11 khi có tàu bay đỗ tại vị trí QS7, QS8, QS9, QS10

<i>Vị trí đỗ tàu bay</i> <i>Aircraft stands</i>	<i>Phương thức kéo/đẩy tàu bay từ vị trí đỗ thương mại sang vị trí đỗ chờ/qua đêm và ngược lại</i> <i>Aircraft towing/pushing procedures from commercial stands to parking/overnight parking stands and vice versa</i>	<i>Hạn chế khai thác</i> <i>Operational limitation</i>
QS1A, QS2A, QS3A, QS4A, QS5, QS6, QS7, QS8, QS9, QS10, QS11	- Used for aircraft A321 and equivalent (wingspan up to 36 M): - Aircraft towing/pushing procedure from commercial stands to parking/overnight parking stands and vice versa: a) For stands from 2 to 8: - Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxiway W1 ↔ TWY V ↔ TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ TWY S ↔ TWY S6 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P5/P6 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands. - (When aircraft are towed/pushed from commercial stands): Parking/overnight parking stands → TWY N3/N4/N5 → RWY 11L/29R → TWY P4 → RWY 11R/29L → TWY S4/S5 → TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → taxiway W1 → commercial stands. b) For stands from 11 to 29, 35 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H: • Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ TWY S ↔ TWY S3/S6/S8/S9/S10 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P3/P8/P9 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands. • Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ TWY S ↔ TWY S6 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P5/P6 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands. • (When aircraft are towed/pushed from commercial stands): Parking/overnight parking stands → TWY N3/N4/N5 → RWY 11L/29R → TWY P4 → RWY 11R/29L → TWY S4/S5 → TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → commercial stands. c) For stands from 30 to 33: • Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ taxiway W2 ↔ TWY V ↔ TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 ↔ TWY S ↔ TWY S6 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P5/P6 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands. • (When aircraft are towed/pushed from commercial stands): Parking/overnight parking stands → TWY N3/N4/N5 → RWY 11L/29R → TWY P4 → RWY 11R/29L → TWY S4/S5 → TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → taxiway W2 → commercial stands. d) For stands from 71 to 86: • Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V8/V9 ↔ TWY S ↔ TWY S3/S6/S8/S9/S10 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P3/P8/P9 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands. • Aircraft are towed/pushed from commercial stands ↔ TWY V ↔ TWY V8/V9 ↔ TWY S ↔ TWY S6 ↔ RWY 11R/29L ↔ TWY P5/P6 ↔ RWY 11L/29R ↔ TWY N2/N3/N4/N5 ↔ TWY N ↔ parking/overnight parking stands.	- Stand QS1A: • Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS1A when there is aircraft parking at stand QS1. • Do not tow/push aircraft into/out of stand QS1A following the taxi route via TWY N2/N3/N4 when there is aircraft parking at stand QS2, QS3. - Stand QS2A: • Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS2A when there is aircraft parking at stand QS2. • Do not tow/push aircraft into/out of stand QS2A following the taxi route via TWY N2/N3/N4 when there is aircraft parking at stand QS3 and following the taxi route via TWYN5 when there is aircraft parking at stand QS1 - Stand QS3A: • Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS3A when there is aircraft parking at stand QS3. • Do not tow/push aircraft into/out of stand QS3A following the taxi route via TWY N5 when there is aircraft parking at stand QS1, QS2 - Stand QS4A: • Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS4A when there is aircraft parking at stand QS4. • Do not tow/push aircraft into/out of stand QS4A following the taxi route via TWY N5 when there is aircraft parking at stand QS1, QS2, QS3 - Stand QS8: Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS8 when there is aircraft parking at stand QS7 - Stand QS9: Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS9 when there is aircraft parking at stand QS7, QS8 - Stand QS10: Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS10 when there is aircraft parking at stand QS7, QS8, QS9 - Stand QS11: Do not operate or tow/push aircraft into/out of stand QS11 when there is aircraft parking at stand QS7, QS8, QS9, QS10

2.3 Điều chỉnh phương thức khai thác, vận hành tàu bay trên đường CHC, đường lăn, sân đỗ

2.3 Adjustment of the aircraft operational procedures on RWYs, TWYs, APN

2.3.1 Hạn chế khai thác:

2.3.1 Operation limitations:

- Đường lăn P3: Do khoảng cách giữa 2 vạch dừng chờ lên đường CHC khoảng 30 m
 - Khi có tàu bay dừng chờ tại điểm dừng chờ lên đường CHC 11R/29L, không được sử dụng đường CHC 11L/29R cho mục đích cất, hạ cánh.
 - Khi có tàu bay dừng chờ tại điểm dừng chờ lên đường CHC 11L/29R, không được sử dụng đường CHC 11R/29L cho mục đích cất, hạ cánh.
- Đường lăn P4, P7: Do khoảng cách giữa 2 vạch dừng chờ lên đường CHC khoảng 86 m

- TWY P3: Due to distance between 2 the holding position line up RWY are APRX 30 m
 - When an aircraft is holding at the holding positions for RWY 11R/29L, RWY 11L/29R shall not be used for take-off or landing operations.
 - When an aircraft is holding at the holding positions for RWY 11L/29R, RWY 11R/29L shall not be used for take-off or landing operations.
- TWY P4, P7: Due to distance between 2 the holding positions line up RWY are APRX 86 m.

- Khi có tàu bay loại Code D (sải cánh đến dưới 52 m) và tương đương trở xuống dừng chờ tại điểm dừng chờ lên đường CHC 11L/29R, có thể sử dụng đường CHC 11R/29L cho mục đích cất, hạ cánh.
- Khi có tàu bay loại Code D (sải cánh đến dưới 52 m) và tương đương trở xuống dừng chờ tại điểm dừng chờ lên đường CHC 11R/29L, có thể sử dụng đường CHC 11L/29R cho mục đích cất, hạ cánh.
- Đường lăn P5, P6: Do khoảng cách giữa 2 vạch dừng chờ lên đường CHC khoảng 81.5 m
 - Khi có tàu bay loại Code D (sải cánh đến dưới 52 m) và tương đương trở xuống dừng chờ tại điểm dừng chờ lên đường CHC 11L/29R, có thể sử dụng đường CHC 11R/29L cho mục đích cất, hạ cánh.
 - Khi có tàu bay loại Code D (sải cánh đến dưới 52 m) và tương đương trở xuống dừng chờ tại điểm dừng chờ lên đường CHC 11R/29L, có thể sử dụng đường CHC 11L/29R cho mục đích cất, hạ cánh.
- Đường lăn P8, P9: Do khoảng cách giữa 2 vạch dừng chờ lên đường CHC khoảng 71 m
 - Khi có tàu bay loại Code D (sải cánh đến dưới 52 m) và tương đương trở xuống dừng chờ tại điểm dừng chờ lên đường CHC 11L/29R, có thể sử dụng đường CHC 11R/29L cho mục đích cất, hạ cánh.
 - Khi có tàu bay loại Code D (sải cánh đến dưới 52 m) và tương đương trở xuống dừng chờ tại điểm dừng chờ lên đường CHC 11R/29L, có thể sử dụng đường CHC 11L/29R cho mục đích cất, hạ cánh.
- Đường lăn S1, S3, S5, S6, S8, S9: Khi có tàu bay đang dừng chờ tại điểm dừng chờ trung gian phía Bắc đường lăn S, không được sử dụng đường CHC 11R/29L cho mục đích cất, hạ cánh (do khoảng cách giữa vạch dừng chờ lên đường CHC 11R/29L và vạch dừng chờ trung gian khoảng 41.5 m).
- Đường lăn S3, S6, S8, S9: Khi có tàu bay trên đường lăn, tàu bay khác phải dừng trước vạch dừng chờ trung gian tại các nút giao và không vận hành trên đường lăn S phía trước/sau tàu bay trên đường lăn S3, S6, S8, S9.
- Đường lăn S4, S5, S7: Khai thác một chiều theo hướng thoát ly đường CHC 11R/29L.
- Đường lăn S10, V8: Khai thác hai chiều đối với tàu bay Code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống.
- Đường lăn V:
 - Đoạn từ đường lăn V1 đến vệt lăn W1 và đoạn từ đường lăn V5 đến đường lăn V7: Khai thác loại tàu bay Code F (sải cánh đến dưới 68.5 m) và tương đương trở xuống.
 - Đoạn đường lăn V (thuộc sân đỗ Apron 2) chưa được kết nối với đoạn đường lăn V (thuộc sân đỗ Hangar).
- When an aircraft of Code D (wingspan up to 52 m) and equivalent is holding at the holding positions for RWY11L/29R, RWY 11R/29L may be used for take-off and landing operations.
- When an aircraft of Code D (wingspan up to 52 m) and equivalent is holding at the holding positions for RWY 11R/29L, RWY 11L/29R may be used for take-off and landing operations.
- TWY P5, P6: Due to distance between 2 the holding positions line up RWY are APRX 81.5 m
 - When an aircraft of Code D (wingspan up to 52 m) and equivalent is holding at the holding positions for RWY11L/29R, RWY 11R/29L may be used for take-off and landing operations.
 - When an aircraft of Code D (wingspan up to 52 m) and equivalent is holding at the holding positions for RWY 11R/29L, RWY 11L/29R may be used for take-off and landing operations.
- TWY P8, P9: Due to distance between 2 the holding positions line up RWY are APRX 71 m
 - When an aircraft of Code D (wingspan up to 52 m) and equivalent is holding at the holding positions for RWY11L/29R, RWY 11R/29L may be used for take-off and landing operations.
 - When an aircraft of Code D (wingspan up to 52 m) and equivalent is holding at the holding positions for RWY 11R/29L, RWY 11L/29R may be used for take-off and landing operations.
- TWY S1, S3, S5, S6, S8, S9: When an aircraft is holding at the North intermediate holding position on TWY S, RWY 11R/29L shall not be used for take-off or landing operations (due to the distance of approximately 41.5 meters between the holding line for Runway 11R/29L and the intermediate holding line).
- TWYs S3, S6, S8, S9: When there is aircraft on TWY, other aircraft must stop before the intermediate holding line at intersections and must not operate on TWY S (behind/after aircraft on TWYs S3, S6, S8, S9).
- TWYs S4, S5, S7: One-way operation to vacate RWY 11R/29L.
- TWY V8, S10: Two-way operation for aircraft up to Code C (wingspan up to 36 M) and equivalent.
- TWY V:
 - A portion from TWY V1 to taxiway W1 and a portion TWY V5 to TWY V7: Use for aircraft Code F (wingspan up to 68.5 m) and equivalent.
 - A portion of TWY V (Apron 2) is not yet connected to TWY V (Hangar Apron).

Ghi chú:

- Tàu bay hạ cánh rời khỏi đường CHC 11L/29R qua đường lăn P3/P4/P5/P6/P7/P8/P9 phải dừng chờ trước đường CHC 11R/29L cho đến khi có huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu cho phép cất qua đường CHC 11R/29L.
- Phương thức này được áp dụng trong trường hợp điều kiện khai thác bình thường. Trong trường hợp có thi công sửa chữa đường CHC, đường lăn, sân đỗ sẽ áp dụng phương án vận hành tàu bay áp dụng trong thời gian thi công.

2.3.2 Đối với tàu bay cất cánh

2.3.2.1 Đường CHC 11R

- a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H:
- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn S1 → Đường CHC 11R để khởi hành.

Note:

- Landing aircraft leaving RWY 11L/29R via TWY P3/P4/P5/P6/P7/P8/P9 must stop before RWY 11R/29L until ATC cleared allowed cross TWY 11R/29L.
- This procedures is applied in case normal operating conditions. In case of construction or repair of RWY, TWY, APN will be applied aircraft operational procedures during the construction.

2.3.2 For departures

2.3.2.1 RWY 11R

- a) For stands from 2 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H:
- Aircraft from stand → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY S → TWY S1 → RWY 11R for departure

b) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86:

- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn S1 → Đường CHC 11R để khởi hành.
- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6 → Đường lăn S → Đường lăn S1 → Đường CHC 11R để khởi hành.

2.3.2.2 Đường CHC 11L

a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H:

- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn S3 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn P3 → Đường CHC 11L để khởi hành.
- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn S6/S8 → Đường CHC 11R/29L → Đường lăn P5/P6/P7/P8 → Đường CHC 11L/29R → Quay đầu 180° trên đầu 11L → Đường CHC 11L để khởi hành (áp dụng đối với tàu bay Code C và tương đương trở xuống).

b) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86:

- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn S3 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn P3 → Đường CHC 11L để khởi hành.
- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6 → Đường lăn S → Đường lăn S3 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn P3 → Đường CHC 11L để khởi hành.
- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn S6/S8 → Đường CHC 11R/29L → Đường lăn P5/P6/P7/P8 → Đường CHC 11L/29R → Quay đầu 180° trên đầu 11L → Đường CHC 11L để khởi hành (áp dụng đối với tàu bay Code C và tương đương trở xuống).

2.3.2.3 Đường CHC 29L

a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H:

- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn S9/S10 → Đường CHC 29L để khởi hành.

b) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86:

- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn S9/S10 → Đường CHC 29L để khởi hành.

2.3.2.4 Đường CHC 29R

a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H:

- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn S9/S10 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn P9 → Đường CHC 29R để khởi hành.
- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn S6/S8 → Đường CHC 11R/29L → Đường lăn P5/P6/P8 → Đường CHC 11L/29R → Quay đầu 180° trên đầu 29R → Đường CHC 29R để khởi hành (áp dụng đối với tàu bay Code C và tương đương trở xuống).

b) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86:

- Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn S9/S10 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn P9 → Đường CHC 29R để khởi hành.

b) For stands from 71 to 86:

- Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY S1 → RWY 11R for departure.
- Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6 → TWY S → TWY S1 → RWY 11R for departure.

2.3.2.2 RWY 11L

a) For stands from 2 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H:

- Aircraft from stand → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY S → TWY S3 → cross RWY 11R/29L → TWY P3 → RWY 11L for departure.
- Aircraft from stand → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY S → TWY S6/S8 → RWY 11R/29L → TWY P5/P6/P7/P8 → RWY 11L/29R → backtrack at the beginning of RWY 11L → RWY 11L for departure (apply for aircraft up to Code C and equivalent).

b) For stands from 71 to 86:

- Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY S3 → cross RWY 11R/29L → TWY P3 → RWY 11L for departure.
- Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6 → TWY S → TWY S3 → cross RWY 11R/29L → TWY P3 → RWY 11L for departure.
- Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY S6/S8 → RWY 11R/29L → TWY P5/P6/P7/P8 → RWY 11L/29R → backtrack at the beginning of RWY 11L → RWY 11L for departure (apply for aircraft up to Code C and equivalent).

2.3.2.3 RWY 29L

a) For stands from 2 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H:

- Aircraft from stand → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY S → TWY S9/S10 → RWY 29L for departure.

b) For stands from 71 to 86:

- Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY S9/S10 → RWY 29L for departure.

2.3.2.4 RWY 29R

a) For stands from 2 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H:

- Aircraft from stand → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY S → TWY S9/S10 → cross RWY 11R/29L → TWY P9 → RWY 29R for departure.
- Aircraft from stand → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY S → TWY S6/S8 → RWY 11R/29L → TWY P5/P6/P8 → RWY 11L/29R → backtrack at the beginning of RWY 29R → RWY 29R for departure (apply for aircraft up to Code C and equivalent).

b) For stands from 71 to 86:

- Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY S9/S10 → cross RWY 11R/29L → TWY P9 → RWY 29R for departure.

Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn S6/S8 → Đường CHC 11R/29L → Đường lăn P5/P6/P8 → Đường CHC 11L/29R → Quay đầu 180° trên đầu 29R → Đường CHC 29R để khởi hành (áp dụng đối với tàu bay Code C và tương đương trở xuống).	Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY S6/S8 → RWY 11R/29L → TWY P5/P6/P8 → RWY 11L/29R → backtrack at the beginning of RWY 29R → RWY 29R for departure (apply for aircraft up to Code C and equivalent).
2.3.2.5 Từ giao điểm của đường CHC 11R và đường lăn S3 a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: - Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn S3 → Giao điểm đường CHC 11R và đường lăn S3 để khởi hành. b) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86: - Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn S3 → Giao điểm đường CHC 11R và đường lăn S3 để khởi hành. - Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6 → Đường lăn S → Đường lăn S3 → Giao điểm đường CHC 11R và đường lăn S3 để khởi hành.	2.3.2.5 From the intersection of RWY 11R and TWY S3 a) For stands from 2 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H: - Aircraft from stand → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY S → TWY S3 → the intersection of RWY 11R and TWY S3 for departure. b) For stands from 71 to 86 - Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY S3 → the intersection of RWY 11R and TWY S3 for departure. - Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY V4/V5/V6/V7 → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6 → TWY S → TWY S3 → the intersection of RWY11R and TWY S3 for departure.
2.3.2.6 Từ giao điểm của đường CHC 29L và đường lăn S8 a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: - Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn S8 → Giao điểm đường CHC 29L và đường lăn S8 để khởi hành. b) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86: - Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn S8 → Giao điểm đường CHC 29L và đường lăn S8 để khởi hành.	2.3.2.6 From the intersection of RWY 29L and TWY S8 a) For stands from 2 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H: - Aircraft from stand → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY S → TWY S8 → the intersection of RWY 29L and TWY S8 for departure. b) For stands from 71 to 86: - Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY S8 → the intersection of RWY 29L and TWY S8 for departure.
2.3.2.7 Từ giao điểm của đường CHC 29R và đường lăn P8 a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: - Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn S8 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn P8 → Giao điểm đường CHC 29R và đường lăn P8 để khởi hành. b) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86: - Tàu bay từ vị trí đỗ → Đường lăn V → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn S → Đường lăn S8 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn P8 → Giao điểm đường CHC 29R và đường lăn P8 để khởi hành.	2.3.2.7 From the intersection of RWY 29R and TWY P8 a) For stands from 2 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H: - Aircraft from stand → TWY V → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY S → TWY S8 → cross RWY 11R/29L → TWY P8 → the intersection of RWY 29R and TWY P8 for departure b) For stands from 71 to 86: - Aircraft from stand → TWY V → TWY V8/V9 → TWY S → TWY S8 → cross RWY 11R/29L → TWY P8 → the intersection of RWY 29R and TWY P8 for departure.
2.3.3 Đối với tàu bay hạ cánh 2.3.3.1 Đường CHC 11R a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H: - Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn S5/S6/S7/S8/S9/S10 → Đường lăn S → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Vị trí đỗ. b) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86: - Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn S5/S6/S7/S8/S9/S10 → Đường lăn S → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn V → Vị trí đỗ. - Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn S5/S6 → Đường lăn S → Đường lăn V5/V6 → Đường lăn V → Đường lăn V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn V → Vị trí đỗ. 2.3.3.2 Đường CHC 11L a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H:	2.3.3 For landing aircraft 2.3.3.1 RWY 11R a) For stands from 2 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H: - Aircraft after landing → TWY S5/S6/S7/S8/S9/S10 → TWY S → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand. b) For stands from 71 to 86: - Aircraft after landing → TWY S5/S6/S7/S8/S9/S10 → TWY S → TWY V8/V9 → TWY V → stand - Aircraft after landing → TWY S5/S6 → TWY S → TWY V5/V6 → TWY V → TWY V6/V7 → TWY S → TWY V8/V9 → TWY V → stand. 2.3.3.2 RWY 11L a) For stands from 2 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H:

- Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn P5/P6/P7/P8/P9 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn S6/S7/S8/S9/S10 → Đường lăn S → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Vị trí đỗ.

b) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86:

- Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn P5/P6/P7/P8/P9 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn S6/S7/S8/S9/S10 → Đường lăn S → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn V → Vị trí đỗ.
- Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn P5/P6 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn S6 → Đường lăn V6 → Đường lăn V → Đường lăn V7 → Đường lăn S → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn V → Vị trí đỗ.

2.3.3.3 Đường CHC 29L

a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H:

- Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn S1/S3/S4/S5/S6 → Đường lăn S → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Vị trí đỗ.

b) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86:

- Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn S1/S3/S4/S5/S6 → Đường lăn S → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn V → Vị trí đỗ.
- Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn S1/S3/S4/S5/S6 → Đường lăn S → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6 → Đường lăn V → Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn V → Vị trí đỗ.

2.3.3.4 Đường CHC 29R

a) Đối với vị trí đỗ từ 2 đến 58, 1H, 2H, 3H, 9H:

- Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn P3/P4/P5/P6 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn S3/S4/S5/S6/S7 → Đường lăn S → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn V → Vị trí đỗ.

b) Đối với vị trí đỗ từ 71 đến 86:

- Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn P3/P4/P5/P6 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn S3/S4/S5/S6/S7 → Đường lăn S → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn V → Vị trí đỗ.
- Tàu bay sau khi hạ cánh → Đường lăn P3/P4/P5/P6 → Cắt qua đường CHC 11R/29L → Đường lăn S3/S4/S5/S6/S7 → Đường lăn S → Đường lăn V1/V2/V3/V4/V5/V6 → Đường lăn V → Đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → Đường lăn S → Đường lăn V8/V9 → Đường lăn V → Vị trí đỗ.

2.4 Điều chỉnh sức chịu tải sân đỗ

Tham chiếu mục VVNB AD 2.8, trang AD 2-VVNB-1-4, AIP Việt Nam (các nội dung khác không thay đổi)

Ghi chú: Các nội dung điều chỉnh được in đậm.

- Aircraft after landing → TWY P5/P6/P7/P8/P9 → cross RWY 11R/29L → TWY S6/S7/S8/S9/S10 → TWY S → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand

b) For stands from 71 to 86:

- Aircraft after landing → TWY P5/P6/P7/P8/P9 → cross RWY 11R/29L → TWY S6/S7/S8/S9/S10 → TWY S → TWY V8/V9 → TWY V → stand.
- Aircraft after landing → TWY P5/P6 → cross RWY 11R/29L → TWY S6 → TWY V6 → TWY V → TWY V7 → TWY S → TWY V8/V9 → TWY V → stand.

2.3.3.3 RWY 29L

a) For stands from 2 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H:

- Aircraft after landing → TWY S1/S3/S4/S5/S6 → TWY S → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand.

b) For stands from 71 to 86:

- Aircraft after landing → TWY S1/S3/S4/S5/S6 → TWY S → TWY V8/V9 → TWY V → stand.
- Aircraft after landing → TWY S1/S3/S4/S5/S6 → TWY S → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6 → TWY V → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY S → TWY V8/V9 → TWY V → stand

2.3.3.4 RWY 29R

a) For stands from 2 to 58, 1H, 2H, 3H, 9H:

- Aircraft after landing → TWY P3/P4/P5/P6 → cross RWY 11R/29L → TWY S3/S4/S5/S6/S7 → TWY S → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand.

b) For stands from 71 to 86:

- Aircraft after landing → TWY P3/P4/P5/P6 → cross RWY 11R/29L → TWY S3/S4/S5/S6/S7 → TWY S → TWY V8/V9 → TWY V → stand.
- Aircraft after landing → TWY P3/P4/P5/P6 → cross RWY 11R/29L → TWY S3/S4/S5/S6/S7 → TWY S → TWY V1/V2/V3/V4/V5/V6 → TWY V → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY S → TWY V8/V9 → TWY V → stand.

2.4 Adjustment of apron strength

Refer to Item VVNB AD 2.8, page AD 2-VVNB-1-4, Viet Nam AIP (other contents remain unchanged)

Note: The adjusted contents are bold.

Sân đỗ 1 Apron 1	Các vị trí đỗ: 1A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Stands: 1A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	PCR 720/R/A/W/T
	Các vị trí đỗ: 30, 31, 32, 33, 34A Stands: 30, 31, 32, 33, 34A	PCR 770/R/A/W/T
	Các vị trí đỗ: 11, 12, 12A, 12B, 14, 15, 16, 17, 17A, 17B, 18, 18A, 18B, 19, 20, 21, 22, 23, 23A, 23B, 24, 24A, 24B, 25, 26, 27, 28, 28A, 28B, 29, 35, 35A, 35B, 36, 36A, 36B Stands: 11, 12, 12A, 12B, 14, 15, 16, 17, 17A, 17B, 18, 18A, 18B, 19, 20, 21, 22, 23, 23A, 23B, 24, 24A, 24B, 25, 26, 27, 28, 28A, 28B, 29, 35, 35A, 35B, 36, 36A, 36B	PCR 820/R/A/W/T
	Các vị trí đỗ: 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 43A, 44, 44A, 45, 46, 47, 47A, 48, 48A, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 54A, 54B, 55, 55A, 55B, 56, 57, 58, 58A, 58B, 58C, 58D Stands: 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 43A, 44, 44A, 45, 46, 47, 47A, 48, 48A, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 54A, 54B, 55, 55A, 55B, 56, 57, 58, 58A, 58B, 58C, 58D	PCR 690/R/A/W/T
Sân đỗ 2 Apron 2	Các vị trí đỗ: 71, 72, 73, 74, 75, 75A, 76, 77, 77A, 78, 79, 79A, 80, 81, 81A, 82, 83, 84, 85, 86 Stands: 71, 72, 73, 74, 75, 75A, 76, 77, 77A, 78, 79, 79A, 80, 81, 81A, 82, 83, 84, 85, 86	PCR 840/R/A/W/T

2.5 Điều chỉnh hệ thống dẫn đỗ tàu bay (VDGS)

Tham chiếu mục VVNB AD 2.9, trang AD 2-VVNB-1-9, AIP Việt Nam (các nội dung khác không thay đổi)

Ghi chú: Các nội dung điều chỉnh được in đậm.

- Hệ thống dẫn đỗ tàu bay (VDGS) tại Cảng HKQT Nội Bài gồm 3 loại:
 - Loại T3-9 (T-types), có tại các vị trí đỗ 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 45, 47, 49: Khi dẫn đỗ chủng loại tàu bay B737-MAX 8 và B737-800 sẽ chỉ hiển thị thông tin "B737" trên màn hình PD (Pilot Display) của hệ thống VDGS để tổ lái quan sát mà không hiển thị riêng từng loại tàu bay B737-800 và B737-MAX 8.
 - Ghi chú:** Hệ thống dẫn đỗ tàu bay tại các vị trí đỗ này không sử dụng cho loại tàu bay A350-10 và B787-10, A220.
 - Loại T1-42 (T-types), có tại các vị trí đỗ 43, 46, 48.
 - Loại Flex A-VDGS dùng cho các vị trí đỗ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 12, 12B, 28, 30, 31, 32, 33.**
 - Ghi chú:** Đối với tàu bay A350-10, B787-10, A220 theo chỉ dẫn của nhân viên đánh tín hiệu tàu bay khi lăn vào các vị trí đỗ 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 45, 47, 49.

2.6 Biện pháp tăng cường giảm thiểu sự cố xâm nhập đường CHC

Hướng dẫn an toàn khi di chuyển, dừng chờ tại các điểm giao cắt.

Ghi chú: Nội dung này đã được phát hành bởi NOTAM A2979/25.

Nhằm bảo đảm hoạt động bay an toàn cho cả hai tàu bay khi thực hiện dừng chờ tại vạch dừng trên đường lăn trong khi có tàu bay khác đang lăn phía sau. Các hãng hàng không, tổ lái phải tuân thủ các chỉ dẫn sau đây:

- Để đảm bảo phân cách với đầu mút cánh của tàu bay lăn phía sau, tàu bay di chuyển về phía trước và phải dừng chờ tại vị trí mà vạch dừng chờ trước mũi tàu bay vừa khuất tầm mắt của người lái tàu bay ngồi tại vị trí điều khiển phù hợp trong buồng lái (xem hình ảnh minh họa).
- Người lái tàu bay phải thông báo cho Kiểm soát viên không lưu (ATC) khi tàu bay dừng chờ tại vị trí cách xa trước vạch dừng chờ hoặc khi người lái tàu bay không thể xác định chính xác vị trí dừng chờ của mình.

2.5 Adjustment of Visual Docking Guidance System (VDGS)

Refer to Item VVNB AD 2.9, page AD 2-VVNB-1-9, Viet Nam AIP (other contents remain unchanged)

Note: The adjusted contents are bold.

- Visual Docking Guidance System (VDGS) at Noi Bai International Airport includes 3 types:
 - Type T3-9 (T-types), available at stands 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 45, 47, 49 When guiding ACFT types B737-MAX 8 and B737-800, only "B737" information will be displayed on the PD (Pilot Display) screen of VDGS for pilots to observe without displaying the B737-800 and B737-MAX 8.
 - Note:** Visual Docking Guidance System at these stands is not available for aircraft A350-10 and B787-10, A220.
 - Type T1-42 (T-types), available at stands 43, 46, 48.
 - Type Flex A-VDGS, available at stands 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 12, 12B, 28, 30, 31, 32, 33.**
 - Note:** Aircraft A350-10, B787-10, A220 are requested to marshalling signals when taxiing into stands 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 45, 47, 49.

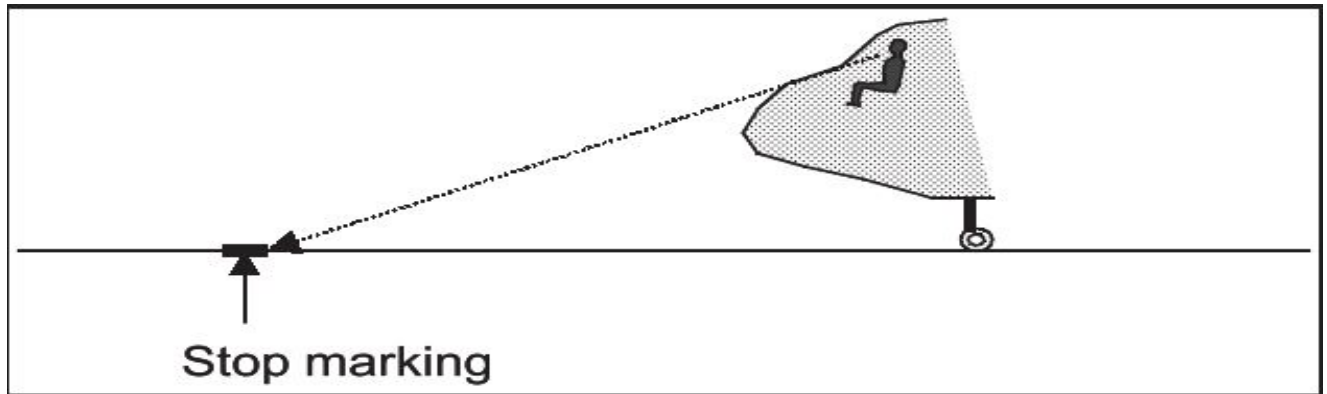
2.6 Enhancement measures to mitigate RWY incursions

Safety instructions when taxiing or holding at the TWY intersection.

Note: This content published by NOTAM A2979/25.

Safety enhancement measures to ensure safe operations for both aircraft when holding at stop markings on the TWY while another aircraft is taxiing behind. Airlines, pilots shall comply with the following instructions:

- To ensure appropriate wing tip clearance from the aircraft taxiing behind, the aircraft shall move forward to a position where the stop marking is just invisible in front of the nose from the normal flight deck seating position when the aircraft stops at the stop marking on the TWY (see following chart).
- Pilots must report ATC when the aircraft stopped short of the stop marking, or when pilots are unable to clearly determine their exact holding position.



2.7 Điều chỉnh các điểm hot spot

Thay thế mục VVNB AD 2.23-3, các trang AD 2-VVNB-1-93 đến 97 AIP Việt Nam.

Ghi chú: Nội dung này đã được phát hành bởi NOTAM A2978/25.

2.7 Adjustment of HOT SPOTS

Replace Item VVNB AD 2.23-3, pages from AD 2-VVNB-1-93 to 97, Viet Nam AIP.

Note: This content published by NOTAM A2978/25.

HOT SPOT HOT SPOT NR	Vị trí Position
HS-01	- Vị trí: Khu vực trên đường lăn S3 trước đường CHC 11R/29L. - Tổ lái duy trì liên tục quan sát và phải dừng chờ trước vạch dừng chờ đường CHC 11R/29L. - Position: On TWY S3, in front of RWY 11R/29L. - Pilots are to maintain a good lookout at all times and shall hold short of RWY 11R/29L.
HS-02	- Vị trí: Khu vực trên đường lăn P4 trước đường CHC 11R/29L. - Tàu bay hạ cánh đường CHC 11L/29R thoát ly qua đường lăn P4 KHÔNG ĐƯỢC CẮT QUA điểm dừng chờ trước đường CHC 11R/29L nếu không được sự cho phép của KSVKL. - Lưu ý: Đường lăn P4 không phải là đường lăn thoát ly nhanh. Tổ lái phải kiểm soát tốc độ để dừng trước hoặc tại vạch dừng chờ trước đường CHC. - Position: On TWY P4, in front of RWY 11R/29L. - Landing aircraft vacate RWY 11L/29R via P4 DO NOT CROSS the hold marking for RWY 11R/29L without ATC authorization. - Attention: TWY P4 is not a rapid exit TWY. Pilot shall control taxi speed to stop at or before designated holding position.
HS-03	- Vị trí: Khu vực trên đường lăn P5 trước đường CHC 11R/29L. - Tàu bay hạ cánh đường CHC 11L/29R thoát ly qua đường lăn P5 KHÔNG ĐƯỢC CẮT QUA điểm dừng chờ trước đường CHC 11R/29L nếu không được sự cho phép của KSVKL. - Lưu ý: Đường lăn P5 không phải là đường lăn thoát ly nhanh. Tổ lái phải kiểm soát tốc độ để dừng trước hoặc tại vạch dừng chờ trước đường CHC. - Position: On TWY P5, in front of RWY 11R/29L. - Landing aircraft vacate RWY 11L/29R via P5 DO NOT CROSS the hold marking for RWY 11R/29L without ATC authorization. - Attention: TWY P5 is not a rapid exit TWY. Pilot shall control taxi speed to stop at or before designated holding position.
HS-04	- Vị trí: Khu vực giao điểm giữa đường lăn V6, đường lăn V và vệt lăn W5. - Tổ lái duy trì liên tục quan sát khi di chuyển qua khu vực giao điểm giữa đường lăn V6, đường lăn V và vệt lăn W5. - Position: On the intersection of TWY V6, TWY V and taxiway W5. - Pilots taxiing via TWY V6, TWY V and taxiway W5 are to maintain a good lookout at the intersections.
HS-05	- Vị trí: Khu vực trên đường lăn P6 trước đường CHC 11R/29L. - Tàu bay hạ cánh đường CHC 11L/29R thoát ly qua đường lăn P6 KHÔNG ĐƯỢC CẮT QUA điểm dừng chờ trước đường CHC 11R/29L nếu không được sự cho phép của KSVKL. - Lưu ý: Đường lăn P6 không phải là đường lăn thoát ly nhanh. Tổ lái phải kiểm soát tốc độ để dừng trước hoặc tại vạch dừng chờ trước đường CHC. - Position: On TWY P6, in front of RWY 11R/29L. - Landing aircraft vacate RWY 11L/29R via P6 DO NOT CROSS the hold marking for RWY 11R/29L without ATC authorization. - Attention: TWY P6 is not a rapid exit TWY. Pilot shall control taxi speed to stop at or before designated holding position.

HS-06	- Vị trí: Khu vực trên đường lăn P7 trước đường CHC 11R/29L. - Tàu bay hạ cánh đường CHC 11L/29R thoát ly qua đường lăn P7 KHÔNG ĐƯỢC CẮT QUA điểm dừng chờ trước đường CHC 11R/29L nếu không được sự cho phép của KSVKL. Lưu ý: Đường lăn P7 không phải là đường lăn thoát ly nhanh. Tổ lái phải kiểm soát tốc độ để dừng trước hoặc tại vạch dừng chờ trước đường CHC. - Position: On TWY P7 in front of RWY 11R/29L. - Landing aircraft vacate RWY 11L/29R via P7 DO NOT CROSS the hold marking for RWY 11R/29L without ATC authorization. Attention: TWY P7 is not a rapid exit TWY. Pilot shall control taxi speed to stop at or before designated holding position.
HS-07	- Vị trí: Khu vực giao điểm giữa các đường lăn S9, đường lăn S10 và đường CHC 29L/11R. - Tổ lái lưu ý hạn chế của đường lăn S10 chỉ dành cho tàu bay từ Code C trở xuống. Tàu bay lớn hơn không được phép hoạt động. - Position: On the intersection of TWY S9, TWY S10 and RWY 29L/11R. - Caution: TWY S10 is restricted to aircraft code C or below. Larger aircraft are not permitted.

2.8 Các vị trí đỗ biệt lập

Ghi chú: Đã được phát hành trong AIP SUP 22/25.

- Số lượng: 2
- Vị trí:
 - Vị trí số 1: Trên sân đỗ quân sự phía Bắc, khu vực vị trí QS4; kích thước (dài x rộng): 130 m x 65 m, nằm bên đường lăn quân sự phía Bắc, tiếp giáp phía Tây đường lăn N4 của hệ thống đường lăn phía Bắc. Áp dụng cho tàu bay Code E trở xuống.
 - Vị trí số 2: Trên đường lăn S, khu vực tiếp giáp đường lăn S10 và V9; có kích thước (dài x rộng): 130 m x 50 m. Chỉ áp dụng cho tàu bay Code F; hoặc tàu bay Code E trở xuống trong trường hợp không sử dụng được vị trí biệt lập số 1.

2.9 Điều chỉnh hệ số ma sát đường CHC 11R/29L và 11L/29R

Tham chiếu mục VVNB AD 2.23.2, trang AD 2-VVNB-1-4, AIP Việt Nam.

Ghi chú: Đã được phát hành trong AIP SUP 22/25.

2.8 Isolated stands

Note: Published in AIP SUP 22/25.

- Quantity: 2
- Positions:
 - Position 1: On the Northern military apron, stand QS4 area; dimension (length x width): 130 m x 65 m, located next to the Northern military TWY, adjacent to the West of TWY N4 of the Northern TWY system. Applied to aircraft Code E and equivalent.
 - Position 2: On TWY S, adjacent to TWYs S10 and V9; dimension (length x width): 130 m x 50 m. Only applied to aircraft Code F; or aircraft Code E and equivalent in case isolated stand 1 is unavailable.

2.9 Adjustment of friction coefficients of RWY 11R/29L and 11L/29R

Refer to Item VVNB AD 2.23.2, page AD 2-VVNB-1-4, Viet Nam AIP

Note: Published in AIP SUP 22/25.

Ký hiệu đường CHC RWY designator	Chiều dài đo (M) Measured length(M)	Hệ số ma sát (μ) Friction coefficients				
		Vị trí đo tính từ tim đường CHC (1.5 M) Measured position from RCL (1.5 M)	Vị trí đo tính từ tim đường CHC (4 M) Measured position from RCL (4 M)	Vị trí đo tính từ tim đường CHC (7 M) Measured position from RCL (7 M)	Vị trí đo tính từ tim đường CHC (11 M) Measured position from RCL (11 M)	Vị trí đo tính từ tim đường CHC (17 M) Measured position from RCL (17 M)
1	2	3	4	5	6	7
11R	3 201	0.71	0.69	0.73	0.68	0.68
29L	3 201	0.75	0.72	0.75	0.67	0.66
11L	2 701	0.64	0.61	0.63	0.66	0.67
29R	2 701	0.67	0.61	0.64	0.66	0.66

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này sẽ có hiệu lực từ 0000 ngày 27/11/2025.

4 HỦY BỎ

Tập bổ sung này sẽ hủy bỏ:

- NOTAM: A2978/25; A2979/25.

3 EFFECT

This AIP Supplement shall become effective from 0000 on 27 NOV 2025.

4 CANCELLATION

This AIP Supplement supersedes:

- NOTAM: A2978/25; A2979/25.

– AIP SUP 22/25.

Bất kỳ thay đổi nào liên quan đến tập bổ sung AIP này sẽ được thông báo bằng NOTAM.

Tập bổ sung AIP này sẽ còn hiệu lực cho đến khi nội dung được đưa vào AIP Việt Nam.

Tập bổ sung AIP này gồm 2 phụ đính như sau:

- HẾT -

– AIP SUP 22/25.

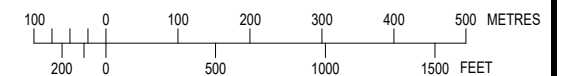
Any change relating to this AIP Supplement shall be notified by NOTAM.

This AIP Supplement shall remain in force until its content has been incorporated into AIP Viet Nam.

This AIP Supplement consists of 2 attachments as follows:

- END -

HA NOI / NOI BAI INTL (VVNB)



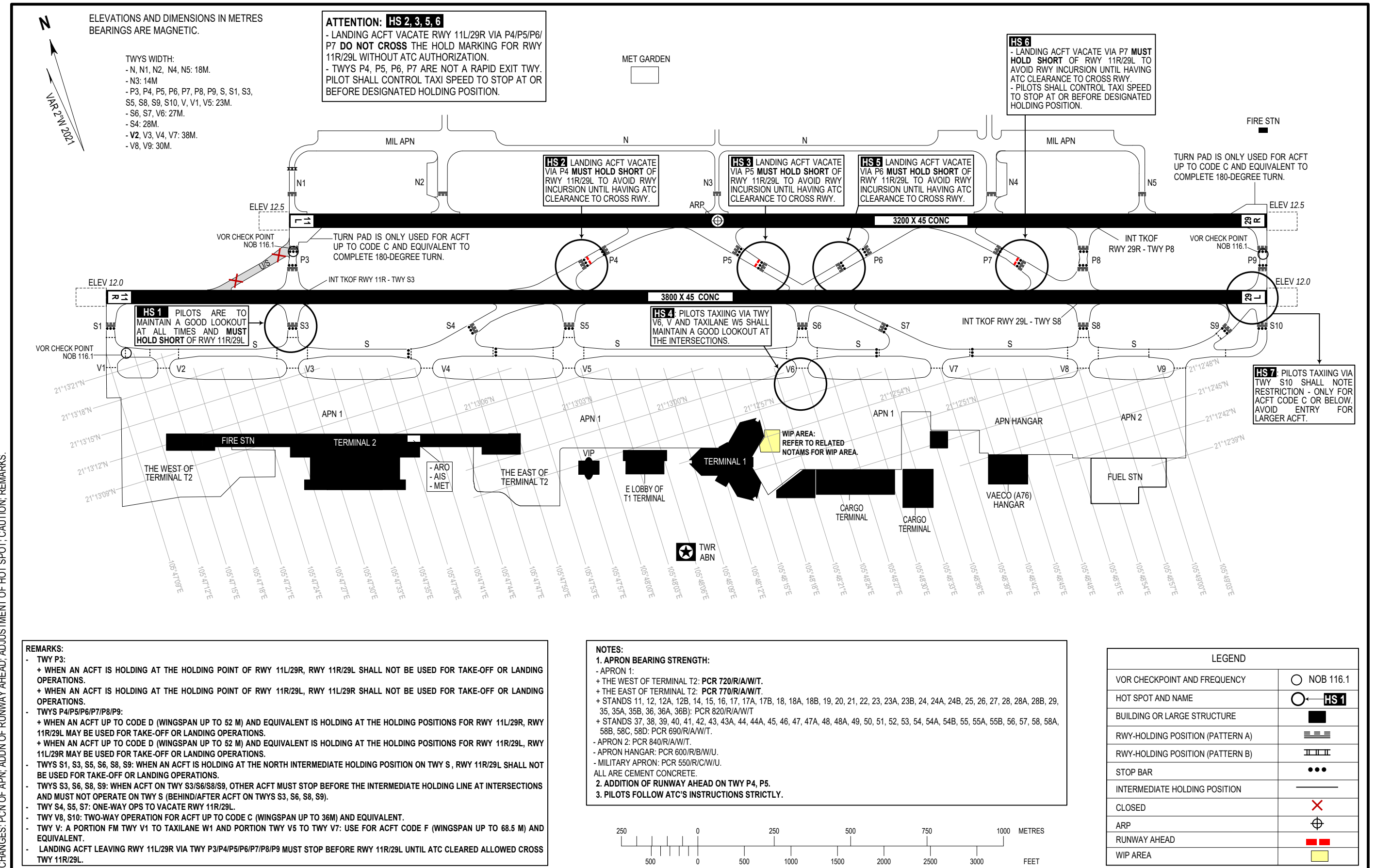
LEGEND	
VOR CHECKPOINT AND FREQUENCY	○ NOB 116.1
HOT SPOT AND NAME	○ ← HS 1
ACFT STAND	———▶ 18
ACFT STAND (CONDITIONAL)	-----▶ 18A
INTERMEDIATE HOLDING POSITION	
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN A)	
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN B)	
SERVICE ROAD	
STOP BAR	● ● ●
ARP	
CLOSED	
BUILDINGS	
WIP AREA	
RUNWAY AHEAD	

LAYOUT OF AERODROME GROUND MOVEMENT CHART

APRON ELEV 12M

TWR: 118.4
GROUND: 121.9

HA NOI / NOI BAI INTL (VVB)



CHANGES: PCN OF APN; ADDN OF RUNWAY AHEAD; ADJUSTMENT OF HOT SPOT; CAUTION; REMARKS.